

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14-7-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Thuận;
2. Ông Đào Minh Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Nhữ Thật - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Hồng – Kiểm sát viên.

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện S, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Ông Phan Đức T, sinh năm 1976 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Đ , xã B, huyện S, tỉnh Bình Định.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc: “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Phan Đức T tự nguyện quen biết được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Bình Định vào ngày 04/8/1999.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông T ham mê cờ bạc, bỏ bê vợ con, không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng đã cố gắng chung sống với nhau nhưng không được nữa. Vợ chồng ông bà đã cắt đứt quan hệ, sống riêng được một thời gian dài cho đến nay. Nay bà nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau nữa, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Đức T.

-Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Phan Nhã T1, giới tính: Nữ, sinh năm 2000, Phan Đức T2, giới tính: Nam, sinh ngày 01/02/2006 và Phan Đức T3, giới tính: Nam, sinh ngày 25/6/2008. Con chung Phan Nhã T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hai con chung Phan Đức T2 và Phan Đức T3 hiện nay đang ở với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung T2 và T3 đến trưởng thành. Bà không yêu cầu ông Phan Đức T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2020 bị đơn ông Phan Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất như lời trình bày của bà Nguyễn Thị T về điều kiện kết hôn và thời gian đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Nguyên nhân chính theo ông là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cắt đứt quan hệ sống ly thân được thời gian dài. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nữa nên bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

-Về con chung: Vợ chồng ông có 03 con chung tên Phan Nhã T1, giới tính: Nữ, sinh năm 2000, Phan Đức T2, giới tính: Nam, sinh ngày 01/02/2006 và Phan Đức T3, giới tính: Nam, sinh ngày 25/6/2008. Con chung Phan Nhã T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hai con chung Phan Đức T2 và Phan Đức T3 hiện nay đang ở với bà T. Khi ly hôn ông đồng ý cả hai con Phan Đức T2, Phan Đức T3 được tiếp tục ở với bà Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành; ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Vì điều kiện tại thời điểm lấy lời khai ngày 15/01/2020 ông Phan Đức T đang bị giam giữ tại nhà tạm giữ, tạm giam Công an huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định nên không thể có mặt để tham gia phiên hòa giải, công khai đối chiếu chứng cứ nên ông xin vắng mặt cho đến khi xét xử xong vụ án.

Tại bản tự khai ngày 30/3/2020 em Phan Đức T2 trình bày: Khi ba mẹ ly hôn, em có nguyện vọng ở với mẹ là bà Nguyễn Thị T.

Tại bản tự khai ngày 30/3/2020 em Phan Đức T3 trình bày: Khi ba mẹ ly hôn, em có nguyện vọng ở với mẹ là bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến việc tuân thủ pháp luật tố tụng từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự đúng theo quy định;

Tuy nhiên, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Phan Đức T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng các Điều 8, 9, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T và ông T; công nhận sự thỏa thuận nuôi con, giao hai con chung T2 và T3 cho bà T nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu; tài sản chung miễn xét; án phí bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Phan Đức T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Phan Đức T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định vào ngày 04/8/1999 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân thời gian dài. Bà Nguyễn Thị T và ông Phan Đức T đều thống nhất ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và Gia đình nghị nên công nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Phan Nhã T1, giới tính: Nữ, sinh năm 2000, Phan Đức T2, giới tính: Nam, sinh ngày 01/02/2006 và Phan Đức T3, giới tính: Nam, sinh ngày 25/6/2008. Con chung Phan Nhã T1 đã trưởng thành, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Con chung Phan Đức T2 và Phan Đức T3 hiện nay đang ở với bà T và đều có nguyện vọng ở với mẹ; bà T và ông T đều thống nhất để bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung T2 và T3 đến trưởng thành, ông Phan Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu. Xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình nghị nên công nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Phan Đức T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0006531 ngày 15/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà T đã nộp đủ án phí.

[4] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 8, 9, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phan Đức T.

2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Phan Nhã T1, giới tính: Nữ, sinh năm 2000, Phan Đức T2, giới tính: Nam, sinh ngày 01/02/2006 và Phan Đức T3, giới tính: Nam, sinh ngày 25/6/2008. Con chung Phan Nhã T1 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Công nhận sự thoả thuận của các đương sự: Bà Nguyễn Thị T được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung T2 và T3 đến trưởng thành; ông Phan Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu.

Ông Phan Đức T không trực tiếp nuôi con nhưng ông vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Phan Đức T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006531 ngày 15/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Triều

